

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 10/04/2021

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2	7:25	19	0		19	0	
2		GTCL+P10+P3+P5	7:25	1+18+0+0	0+0+0+0		0+18+1+1	0+0+0+0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/04/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 618	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: TD2	CREW: MTiến - MMinh	ETA: 10:40
xanh-1			

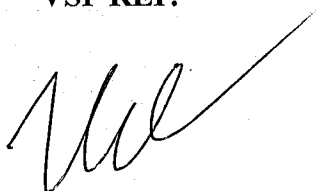
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ MẠNH THĂNG	TD2	23	1	3		63	KHOAN	Vietnamese
2	VŨ MẠNH THĂNG	TD2	32	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
3	BUI NGOC DUNG	TD2	24	1	9		81	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN THANH ANH	TD2	26	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
5	TRẦN XUÂN NINH-PVD	TD2	18	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
6	TRINH HUU BINH-PVD	TD2	25	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
7	NGÔ VĂN HUY	TD2	29	1	3		77	KHOAN	Vietnamese
8	LÊ ANH QUÂN	TD2	28	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
9	PHẠM THANH GIANG	TD2	22	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
10	VŨ XUÂN TRƯỞNG	TD2	17	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
11	MAI ĐỨC THÂN	TD2	19	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN NHO ĐÔNG	TD2	27	1	13		71	MI-SWAS	Vietnamese
13	NGUYEN HUU TINH	TD2	20-21	2	12		70	MI-SWAS	Vietnamese
14	VÔ HUU TÂN	TD2	36	1	7		77	DVL	Vietnamese
15	ĐẶNG TRỌNG THỰC	TD2	30-31	2	10		71	DVL	Vietnamese
16	TRẦN VĂN THUẬT	TD2	37	1	13	13	73	DVL	Vietnamese
17	VUÔNG KIẾN QUỐC	TD2	35	1	5	35	80	DVL	Vietnamese
18	LÊ VĂN BIÊN	TD2	40	1	13		67	BAKER HU	Vietnamese
19	LÊ ĐẮC TRIỆM	TD2	33-34	2	15		72	BAKER HU	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	19	22	139	1.365	48	19		
	TOTAL	19	22	139	1.365	48	19		
	WEIGHT KG			139	1.365	48			

GRAND TOAL: 1.552 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/04/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: GTC1 - P10 - P3 - P5	CREW: ĐỨC - TĐông - ĐANG	ETA: 09:35
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN NGỌC AN	GTC1	53	1	12	40	73	XAYLAP	Vietnamese
2	LE TIEN QUY	GTC1	54	1	5		70	PSV	Vietnamese
3	VANEEV DMITRY	P10	42	1	8		100	KHOAN	Russian
4	NGUYỄN VĂN XUAN	P10	43	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
5	TRẦN MINH HIẾU	P10	60	1	3		67	KHOAN	Vietnamese
6	PHẠM QUANG NGŨ	P10	40	1	5		87	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN TÂN PHƯỚC	P10	61	1	3	55	63	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN ĐỨC DỤC	P10	54	1	5		58	KHOAN	Vietnamese
9	HOANG TRUNG HIẾU-PVD	P10	51	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
10	VŨ VĂN HOA	P10	57	1	2		62	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN TRỌNG DŨNG	P10	62	1	2		74	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐÌNH CƯƠNG-PVDT	P10	63-64	2	10		67	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN NGÂN	P10	58-59	2	6		65	KHOAN	Vietnamese
14	PHẠM XUÂN HUY	P10	52-53	2	6		60	KHOAN	Vietnamese
15	PHẠM VĂN SƠN	P10	56	1	5		54	KHOAN	Vietnamese
16	KRAVTSOV ALEXANDER	P10	50	1	15		75	DVL	Russian
17	PHẠM HAI LONG	P10	47-48	2	18		78	DVL	Vietnamese
18	PHẠM VĂN SANG	P10	45-46	2	18		70	DVL	Vietnamese
19	HỒ VĂN ĐỨC	P10	41	1	5		67	PSV	Vietnamese
20	SADOVNICHENKO	P10	44	1	11		105	KHOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	GTC1	2	2	17	143	40	0		
2	P10	18	23	132	1.284	55	19		
3	P3	0	0	0	0	0	1		
4	P5	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		20	25	149	1.427	95	21		
WEIGHT KG				149	1.427	95			

GRAND TOAL: 1.671 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN